TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 9 - THANH HÓA	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 286/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 12 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 402/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh ngày: 05/03/1989

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị H - Sinh ngày: 26/6/1991

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 19/12/2013; cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 28/12/2023.

Anh chị thống nhất: Giao cháu Nguyễn Văn T1 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Văn T2 và cháu Nguyễn Thị H1 cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000207 ngày 07/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Luật Thi hành án dân sự; có quyền thỏa thuận về việc thi hành án theo Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; có quyền yêu cầu thi hành án theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Thanh Hoá;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- UBND phường N, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Huyền